

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 09 - 6 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLST- DS, ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Thạch Thị K, sinh năm 1960; địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Ông Thạch Ung, sinh năm 1959; địa chỉ ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người phiên dịch: Ông Thạch D, sinh năm 1957; trú tại N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày: Nguyên vào năm 2018 – 2019 bà có tổ chức chơi hụi và

làm đầu thảo nhiều dây hụi, trong đó vợ chồng bà Thạch Thị K và ông Thạch U tham gia các dây như sau:

- Dây hụi khui ngày 09/3/2018 DL, mệnh giá 1.000.000 đồng, có 39 phần hụi, bà K tham gia 04 phần, đã hốt, đến nay hụi đã mãn.
- Dây hụi khui ngày 06/8/2018 DL, mệnh giá 1.000.000 đồng, có 32 phần hụi, vợ chồng bà K tham gia 03 phần, đã hốt đến nay hụi đã mãn.
- Dây hụi khui ngày 08/10/2018 DL, mệnh giá 1.000.000 đồng, có 26 phần hụi, bà K tham gia 04 phần, đã hốt, đến nay hụi đã mãn.
- Dây hụi khui ngày 07/02/2019 DL, mệnh giá 1.000.000 đồng, có 31 phần hụi, bà K tham gia 01 phần, đã hốt, đến nay hụi đã mãn.
- Dây hụi khui ngày 04/4/2019 DL, mệnh giá 1.000.000 đồng, có 24 phần hụi, bà K tham gia 01 phần, đã hốt, đến nay hụi đã mãn.

Tổng cộng vợ chồng bà K, ông U tham gia 05 dây hụi với 13 phần hụi, sau khi hốt hụi thì vợ chồng bà K còn nợ số tiền hụi chết là 384.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Thạch Thị K và ông Thạch U phải trả lại cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 384.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 24/6/2022, biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023 và quá trình tố tụng bị đơn bà Thạch Thị K trình bày: Vào năm 2018 – 2019 bà Thạch Thị H có tổ chức chơi hụi và bà có tham gia 05 dây hụi loại hụi tháng, mệnh giá 1.000.000 đồng, tổng cộng bà tham gia 13 phần hụi. Sau khi tham gia được một thời gian thì lần lượt hốt các phần hụi đã tham gia, do không ghi chép lại và thời gian quá lâu nên không còn nhớ cụ thể mỗi chân hụi hốt ở kỳ thứ mấy, hốt được bao nhiêu tiền và còn phải đóng hụi chết bao nhiêu. Sau khi hốt hụi được một thời gian, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không còn khả năng đóng hụi chết cho bà H, đến tháng 6/2022 bà Thạch Thị H làm đơn gửi Ban nhân dân ấp Lưu Cù 2, để yêu cầu giải quyết, trước ngày hòa giải thì bà H có đến gặp bà để đối chiếu, tính toán với nhau. Kết quả bà H tính ra số tiền hụi chết mà bà còn nợ bà H là 384.000.000 đồng nên khi Ban nhân dân ấp hòa giải giải bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà H là 384.000.000 đồng và bà xin trả dần cho bà H mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý mà yêu cầu bà phải trả đủ số tiền 384.000.000 đồng một lần. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà trả số tiền hụi còn nợ bằng 384.000.000 đồng thì bà cùng thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà H nhưng do đã lớn tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin bà H giảm 40% số tiền còn nợ, bà đồng ý trả cho bà H 60% số tiền là 230.400.000 đồng và xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023, quá trình tố tụng bị đơn ông Thạch U trình bày: Mặc dù ông không có trực tiếp tham gia chơi hụi với bà Thạch Thị H nhưng vợ của ông là bà Thạch Thị K có tham gia chơi hụi với bà H, cụ thể nghe vợ của ông nói tham gia 05 dây hụi, tổng cộng 13 phần hụi, loại hụi tháng mệnh giá là 1.000.000 đồng đã hốt hết. Đối với số tiền hụi chết còn nợ bà Thạch Thị H là 384.000.000 đồng thì ông chỉ đồng ý trả cho bà H 60% (tức phần vốn gốc)

là 230.400.000 đồng và xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng đến khi hết số tiền 230.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị H yêu cầu bà Thạch Thị K và ông Thạch U phải trả lại số tiền hui 379.000.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng trong số tiền 384.000.000 đồng theo đơn khởi kiện, đây là số tiền mà con bà K gửi đóng hui nhưng bà K đã mượn lại thì xin rút lại không yêu cầu; bị đơn bà Thạch Thị K và ông Thạch U chỉ đồng ý trả cho bà H 60% trên số tiền còn nợ và xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng đến khi hết số tiền còn nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Vào năm 2018 - 2019 giữa bà Thạch Thị H và bà Thạch Thị K tham gia chơi hui với nhau, việc này được hai bên đều thừa nhận. Tổng cộng bà K tham gia 05 dây hui với 13 phần hui và đã hốt hết các phần hui, cả hai bên (bà H và bà K) đều không nhớ số lần hốt hui cũng như số tiền hốt hui. Sau khi hốt 13 phần hui thì bà K không có khả năng đóng hui chết cho bà H nên bà H đã làm đơn gửi ban nhân dân ấp Lưu Cù 2 để yêu cầu giải quyết; ngày 21/6/2022 Tổ hòa giải Ban nhân dân ấp Lưu Cù 2 tiến hành hòa giải thì bà K thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H với số tiền 384.000.000 đồng và xin trả dần. Như vậy, việc bà K còn nợ tiền hui của bà H là có thật, do đó việc bà H khởi kiện yêu cầu bà K trả số tiền hui là có căn cứ. Đối với ông Thạch U, tuy không trực tiếp tham gia góp hui, nhưng việc bà K tham gia chơi hui với bà H thì ông U biết; trong số tiền hui mà bà K hốt hui thì có chi xài lặt vặt trong gia đình. Hơn nữa quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía ông U cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ số tiền hui của bà H nên ông U cũng phải có nghĩa vụ liên đới với bà K trả lại số tiền hui còn thiếu cho bà H.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thạch Thị H buộc bà Thạch Thị K và ông Thạch U trả lại số tiền nợ hui 379.000.000 đồng cho bà Thạch Thị H, bà Thạch Thị H không yêu cầu tính lãi.

- Đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H đối với số tiền 5.000.000 đồng.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Thạch Thị H yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị K và ông Thạch U trả số tiền hui còn nợ nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về hợp đồng góp hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mượn là 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu vợ chồng bà K trả số tiền hui là 379.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn bà H, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này của nguyên đơn bà Thạch Thị H.

[2] Về nội dung vụ án thấy rằng: Việc nguyên đơn bà Thạch Thị H cho rằng trong năm 2018 và năm 2019 có mở nhiều dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, trong đó vợ chồng bị đơn bà Thạch Thị K tham gia tổng cộng 05 dây hui với 13 phần hui. Điều này bị đơn bà Thạch Thị K cũng thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thấy rằng, sau khi tham gia các phần hui do nguyên đơn bà H làm đầu thảo thì bị đơn bà K đều lần lượt hốt tất cả các phần hui (13 phần) đã tham gia. Sau khi hốt 13 phần hui thì bị đơn bà K không có khả năng đóng hui chết cho chủ hui (bà H). Từ đó, giữa bà H với bà K đã ngồi tính toán, chốt lại số tiền còn nợ, do bà K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà H đã làm đơn gửi ban nhân dân ấp Lưu Cừ 2 để yêu cầu giải quyết; tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp Lưu Cừ 2, bà Thạch Thị K cũng thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H là 384.000.000 đồng (trong đó có 5.000.000 đồng tiền mượn và 379.000.000 đồng tiền hui); tại phiên tòa bà K cũng thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, việc bà Thạch Thị H yêu cầu bà Thạch Thị K phải trả số tiền hui còn nợ là 379.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận. Đối với bị đơn ông Thạch U, mặc dù trong 13 phần hui nêu trên phía ông U chỉ thừa nhận tham gia 01 phần hui, nhưng trong số tiền hốt hui được thì bà K có chi xài lặt vặt trong gia đình (nhu cầu thiết yếu trong gia đình); quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía ông U cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ số tiền hui của bà H nên ông U cũng phải có nghĩa vụ liên đới với bà K trả lại số tiền hui còn thiếu cho bà H. Đối với ý kiến của bị đơn bà K, ông U về việc xin trả 60% tiền vốn cho bà H, thấy rằng sau khi hốt hui thì ngoài tiền vốn phải đóng thì hui viên còn phải có nghĩa vụ trả lãi đối với các phần hui cho các hui viên khác. Do đó, việc bà K, ông Ung xin trả 60% tiền vốn cho đầu thảo (bà H) là không có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Thạch Thị H được chấp nhận nên bị đơn bà Thạch Thị K và ông Thạch U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do

bị đơn bà Thạch Thị K và ông Thạch U là người cao tuổi nên bà K và ông U được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp theo quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H.
2. Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H đối với số tiền 5.000.000 đồng.

- Buộc bà Thạch Thị K và ông Thạch U phải trả cho bà Thạch Thị H số tiền nợ hui là 379.000.000 đồng (*ba trăm bảy mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Thạch Thị K và ông Thạch U. Bà Thạch Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 9.600.000 đồng (*chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012733 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho bà Thạch Thị H.

4. Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn